

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,304,417,124,029	1,660,675,423,471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	118,930,681,599	73,328,912,771
1. Tiền	111		118,930,681,599	73,328,912,771
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		330,248,342,720	240,977,578
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	330,248,342,720	240,977,578
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		583,317,299,468	416,902,748,935
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	467,134,365,618	358,814,540,235
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	99,888,768,736	61,061,119,631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	24,932,328,470	5,594,717,021
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8,638,163,356)	(8,567,627,952)
IV. Hàng tồn kho	140		1,200,439,900,857	1,097,463,537,707
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,237,643,100,843	1,154,642,895,108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(37,203,199,986)	(57,179,357,401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71,480,899,385	72,739,246,480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,821,316,275	4,499,978,448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42,337,243,311	45,598,213,424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		152,342,179	127,746,901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	26,169,997,620	22,513,307,707

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		968,753,781,301	888,941,372,566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		878,441,367,585	807,040,605,187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	579,691,101,314	605,412,947,516
<i>Nguyên giá</i>	222		1,116,585,823,495	1,083,747,762,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(536,894,722,181)	(478,334,814,585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	90,644,558,391	86,074,073,974
<i>Nguyên giá</i>	228		94,556,272,746	89,430,154,846
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,911,714,355)	(3,356,080,872)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	208,105,707,880	115,553,583,697
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,037,083,120	7,697,000,726
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	6,037,083,120	7,697,000,726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84,275,330,596	74,203,766,653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	49,782,723,833	48,077,487,614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	11,480,182,228	3,329,418,949
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	23,012,424,535	22,796,860,090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,273,170,905,330	2,549,616,796,037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,695,597,538,834	993,334,622,290
I. Nợ ngắn hạn	310		1,632,050,772,915	901,954,660,554
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,176,846,924,248	512,222,635,038
2. Phải trả người bán	312	V.20	156,922,959,555	84,102,525,240
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	10,032,278,735	8,372,038,166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	14,482,742,071	11,873,863,732
5. Phải trả người lao động	315	V.23	47,320,511,834	53,270,413,299
6. Chi phí phải trả	316	V.24	10,384,102,818	19,912,570,969
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	110,242,448,783	108,043,114,010
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	62,718,804,871	61,057,500,100
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		63,546,765,919	91,379,961,736
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	63,546,765,919	84,116,433,338
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	-	7,263,528,398
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,476,313,247,346	1,467,893,650,986
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,476,313,247,346	1,467,893,650,986
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	614,049,130,000	614,049,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	3,800,341,183	4,233,565,274
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	704,868,991,518	696,016,171,067
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	101,260,119,150	88,388,522,761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,273,170,905,330	2,549,616,796,037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		3,971,298.00		2,361,019	
Euro (EUR)		268.32		274	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-



Đồng Tháp ngày 05 tháng 8 năm 2014


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,461,193,560,308	1,351,354,387,315	2,618,923,051,787	2,425,872,550,911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	68,745,560	4,247,397,343	1,484,403,451	8,201,563,708
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,461,124,814,748	1,347,106,989,972	2,617,438,648,336	2,417,670,987,203
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,281,868,381,038	1,208,352,969,840	2,312,339,244,809	2,156,090,367,688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179,256,433,710	138,754,020,132	305,099,403,527	261,580,619,515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,219,309,080	29,512,508,098	15,768,059,631	51,620,869,000
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,360,233,153	21,571,890,630	20,723,629,594	38,124,302,693
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,093,720,527	18,622,442,767	14,450,881,230	34,472,257,910
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	64,163,955,909	57,681,667,575	112,584,418,207	111,036,106,105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24,538,304,602	20,185,601,914	46,873,555,432	40,371,323,718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89,413,249,126	68,827,368,111	140,685,859,925	123,669,755,999
11. Thu nhập khác	31	VI.7	481,711,784	169,002,236	1,337,291,368	398,418,505
12. Chi phí khác	32	VI.8	4,106,904,902	1,637,446,968	6,262,433,406	2,375,907,835
13. Lợi nhuận khác	40		(3,625,193,118)	(1,468,444,732)	(4,925,142,038)	(1,977,489,330)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85,788,056,008	67,358,923,379	135,760,717,887	121,692,266,669
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	18,926,782,313	13,833,397,874	27,341,512,228	25,775,411,475

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(10,167,564,913)	411,167,907	(16,150,088,011)	1,027,249,905
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>77,028,838,608</u>	<u>53,114,357,598</u>	<u>124,569,293,670</u>	<u>94,889,605,289</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6,956,044,189	1,465,518,628	15,407,228,719	4,704,167,210
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		70,072,794,419	51,648,838,970	109,162,064,951	90,185,438,079
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1,141</u>	<u>858</u>	<u>1,778</u>	<u>1,498</u>

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Được chấp, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Handwritten signature
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		135,760,717,887	132,852,006,082
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	59,072,976,563	54,232,094,885
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(19,976,157,415)	(7,384,575,628)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(9,273,809,443)	(194,199,202)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(4,089,082,434)	(49,333,351,324)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14,450,881,230	34,472,247,910
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		175,945,526,388	164,644,222,723
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		600,199,198,304	(112,670,989,324)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83,000,205,735)	(40,074,031,927)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(633,199,192,158)	(43,475,361,776)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		454,585,521	(711,863,282)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(14,450,881,230)	(35,529,211,553)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(27,828,146,141)	(22,780,242,186)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13,004,993,654	2,803,059,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,338,695,229)	(7,052,049,230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22,787,183,374	(94,846,467,555)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(101,582,684,912)	(91,458,088,412)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(330,007,365,142)	(9,061,296)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2,421,928,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	5,247,189,792	9,668,479,028
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(426,342,860,262)	(79,376,742,680)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, V.28	2,148,870,669,282	3,180,158,876,568
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(1,531,299,063,066)	(2,924,037,242,792)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168,414,160,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		449,157,445,716	256,121,633,776
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		45,601,768,828	81,898,423,541
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73,328,912,771	35,542,775,109
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	598,528,575
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	118,930,681,599	118,039,727,225



Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Handwritten signature

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo; Chiết xuất và sản xuất Gelatin Collagen thủy phân.
- Tổng số các công ty con :** 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	70%	70%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, P11, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2014 : 21.246 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ, kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	4.699.787.835	2.826.153.335
Tiền gửi ngân hàng	114.230.893.764	70.502.759.436
Cộng	<u>118.930.681.599</u>	<u>73.328.912.771</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	194.126.246.120	169.900.127.143
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	54.474.971.075	14.493.504.694
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	17.225.258.595	1.333.675.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	201.307.889.828	173.087.233.398
Cộng	<u>467.134.365.618</u>	<u>358.814.540.235</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	23.372.633.841	26.351.448.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	27.233.400.000	8.681.667.184
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	-	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	8.670.481.800	3.522.625.699
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	40.612.253.095	22.503.377.979
Cộng	<u>99.888.768.736</u>	<u>61.061.119.631</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	-
Phải thu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	-	533.043.825
Công ty TNHH MTV Tổng Cty LT Miền Nam - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	23.449.510.886	3.235.336.800
Các khoản phải thu khác	1.482.817.584	1.826.336.396
Cộng	<u>24.932.328.470</u>	<u>5.594.717.021</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.638.163.356	8.567.627.952
Cộng	<u>8.638.163.356</u>	<u>8.567.627.952</u>
7. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên liệu, vật liệu	278.059.972.600	242.554.338.932
Công cụ, dụng cụ	4.178.771.113	3.674.151.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	427.925.941.285	377.130.694.031
Thành phẩm	493.477.712.238	512.713.927.572
Hàng hóa	1.149.746	142.717.928
Hàng gửi đi bán	33.999.553.861	7.293.225.742
Cộng	<u>1.237.643.100.843</u>	<u>1.154.642.895.108</u>
Một số hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng Natixis – Chi Nhánh TP.HCM		
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Dự phòng thành phẩm tồn kho.		
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu kỳ	57.179.357.401	
Hoàn nhập dự phòng	(19.976.157.415)	
Số cuối kỳ	<u>37.203.199.986</u>	
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	2.309.820.950	2.830.964.538
Chi phí bảo hiểm	511.495.325	1.669.013.910
Cộng	<u>2.821.316.275</u>	<u>4.499.978.448</u>
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	25.723.758.867	22.141.201.707
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	446.238.753	372.106.000
Cộng	<u>26.169.997.620</u>	<u>22.513.307.707</u>
11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	466.241.829.621	581.538.814.076	33.258.056.277	2.709.062.127	1.083.747.762.101
Đầu tư XDCB	8.329.772.095	16.844.898.275	88.000.000		25.262.670.370
Mua sắm mới	1.560.662.167	6.220.441.456	332.000.000	175.214.000	8.288.317.623
Tăng khác	301.172.962				301.172.962
Thanh lý, nhượng bán			(1.014.099.561)		(1.014.099.561)
Giảm khác	-				-
Số cuối kỳ	476.433.436.845	604.604.153.807	32.663.956.716	2.884.276.127	1.116.585.823.495
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	122.675.591.508	337.594.013.497	15.781.911.261	2.283.298.319	478.334.814.585
Khấu hao trong kỳ	20.720.622.852	35.720.832.316	1.934.646.512	141.241.400	58.517.343.080
Tăng khác	42.564.516		-	-	42.564.516
Giảm khác		(582.226.657)	582.226.657	-	-
Số cuối kỳ	143.438.778.876	372.732.619.156	18.298.784.430	2.424.539.719	536.894.722.181
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	343.566.238.113	243.944.800.579	17.476.145.016	425.763.808	605.412.947.516
Số cuối kỳ	333.001.928.041	231.871.534.651	14.357.902.214	459.736.408	579.691.101.314

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 89.300.613.254 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh,.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	88.491.679.766	938.475.080	89.430.154.846
Mua trong kỳ	5.126.117.900	-	5.126.117.900
Đầu tư xây dựng hoàn thành		-	-
Số cuối kỳ	93.617.797.666	938.475.080	94.556.272.746
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	2.620.515.142	735.565.730	3.356.080.872
Khấu hao trong kỳ	513.462.885	42.170.598	555.633.483
Số cuối kỳ	3.133.978.027	777.736.328	3.911.714.355
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	85.871.164.624	202.909.350	86.074.073.974
Số cuối kỳ	90.483.819.639	160.738.752	90.644.558.391

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá theo sổ sách là 3.886.411.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	79.007.780.242	6.682.016.407	(42.285.153.851)	43.404.642.798
XDCB dở dang	36.545.803.455	147.320.138.170	(19.164.876.543)	164.701.065.082
Chi phí cho các ao nuôi cá	2.513.617.322	12.004.516.731	(6.861.243.537)	7.656.890.516
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 2)	-	18.630.964.774	-	18.630.964.774
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5)	21.728.553.127	116.684.656.665		138.413.209.792
Xây dựng cơ bản dở dang khác	12.303.633.006	-	(12.303.633.006)	-
Cộng	115.553.583.697	154.002.154.577	(61.450.030.394)	208.105.707.880

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	300.000.000.000 VND	70%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,37%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)	Chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân	80.000.000.000 VND	97.14%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 04 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 210.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 99.300.000.000 VND, tương đương 99,3% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực thực phẩm Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	40.412.406.116	9.532.174.924	(7.013.746.674)	42.930.834.366
Tiền thuê đất	7.665.081.498	285.225.000	(1.098.417.031)	6.851.889.467
Cộng	<u>48.077.487.614</u>	<u>9.817.399.924</u>	<u>(8.112.163.705)</u>	<u>49.782.723.833</u>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu kỳ	3.329.418.949
Phát sinh trong kỳ	8.150.763.279
Số cuối kỳ	<u>11.480.182.228</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.176.846.924.248	512.222.635.038
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	-	3.200.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱⁱ⁾	200.902.492.565	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	837.937.461.919	441.269.864.823
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	43.146.789.610	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(v)	94.860.180.154	67.752.770.215

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	<u>1.176.846.924.248</u>	<u>512.222.635.038</u>
(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động.		
(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.		
(iv) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.		
(v) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.		

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu kỳ	512.222.635.038
Số tiền vay phát sinh	1.845.146.633.588
Tăng do chênh lệch tỷ giá	8.983.015.575
Số tiền vay đã trả	<u>(1.189.505.359.953)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.176.846.924.248</u>

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	64.344.730.950	56.258.226.361
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản VH 1	34.902.369.440	25.582.110.871
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	26.689.091.348	1.974.294.510
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	25.194.723.134	3.155.394
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	5.792.044.683	284.738.104
Cộng	<u>156.922.959.555</u>	<u>84.102.525.240</u>

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	8.351.995.895	5.533.629.938
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	30.798.282	51.529.416
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	115.432.000	1.801.610.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.534.052.558	985.268.812
Cộng	<u>10.032.278.735</u>	<u>8.372.038.166</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	1.074.913.020	6.311.145.741	(6.340.551.297)	1.045.507.464
Thuế GTGT hàng nhập khẩu ⁽ⁱ⁾	-	4.998.694.292	(4.998.694.292)	-
Thuế xuất, nhập khẩu ⁽ⁱⁱ⁾	(127.746.901)	105.990.798	(130.586.076)	(152.342.179)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.875.894.469	27.264.762.228	(27.828.146.141)	9.312.510.556
Thuế thu nhập cá nhân	923.056.243	9.194.509.037	(5.993.743.137)	4.123.822.143
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.967.969.313	(1.967.969.313)	-
Các loại thuế khác ⁽ⁱ⁾	-	386.057.608	(385.155.700)	901.908
Cộng	11.746.116.831	50.229.129.017	(47.644.845.956)	14.330.399.892

⁽ⁱ⁾ Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu 0%
- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu không chịu thuế
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000012 ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2007), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000117 ngày 27 tháng 8 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sấy, bóc vỏ lúa, sản xuất gạo đỏ và lau bóng gạo xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh.

Thu nhập từ các hoạt động khác của các Công ty trong Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay	-	237.711.705
Tiền thuê đất phải trả	-	-
Chi phí phải trả cho luật sư	-	-
Chi phí vận chuyển	3.410.545.000	14.431.569.893
Chi phí khác	6.973.557.818	5.243.289.371
Cộng	<u>10.384.102.818</u>	<u>19.912.570.969</u>
25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	8.456.716.238	7.549.230.208
Cổ tức phải trả	68.771.325	3.033.256.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.667.692.801	3.975.834.292
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	93.226.622.593	92.059.995.316
Các khoản phải trả khác	5.822.645.826	1.424.798.194
Cộng	<u>110.242.448.783</u>	<u>108.043.114.010</u>
26. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.		
27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu kỳ	61.057.500.100	
Trích quỹ trong kỳ	10.000.000.000	
Chi quỹ trong kỳ	<u>(8.338.695.229)</u>	
Số cuối kỳ	<u>62.718.804.871</u>	
28. Vay và nợ dài hạn		
Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.		
Chi tiết phát sinh như sau:		
Số đầu kỳ	84.116.433.338	
Số tiền vay đã trả	<u>(20.569.667.419)</u>	
Số cuối kỳ	<u>63.546.765.919</u>	
29. Vốn chủ sở hữu		
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.404.913	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu phổ thông	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu phổ thông	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

30. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu kỳ	88.388.522.761
Tăng trong kỳ	12.871.596.389
Cộng	<u>101.260.119.150</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Tổng doanh thu	2.618.923.051.787	2.425.872.550.911
- Doanh thu bán hàng hóa	116.788.593.519	180.524.397.793
- Doanh thu bán thành phẩm	2.152.140.425.642	1.975.819.214.227
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.313.685.116	16.423.050.991
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	34.698.806.077	11.137.762.514
- Doanh thu phế phẩm	300.981.541.433	241.968.125.386
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.484.403.451)	(8.201.563.708)
- Giảm giá hàng bán	(88.828.451)	(2.501.181.200)
- Hàng bán bị trả lại	(1.395.575.000)	(5.700.382.508)
Doanh thu thuần	<u>2.617.438.648.336</u>	<u>2.417.670.987.203</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	116.788.593.519	180.516.736.993
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.150.744.850.642	1.969.458.175.319
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	14.313.685.116	16.423.050.991

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
- <i>Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu</i>	34.698.806.077	11.137.762.514
- <i>Doanh thu thuần phế phẩm</i>	300.892.712.982	240.135.261.386
2. Giá vốn hàng bán		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hóa	105.458.477.252	156.998.012.850
Giá vốn của thành phẩm	1.929.332.460.229	1.781.228.500.441
Giá vốn của nguyên vật liệu	31.364.731.762	5.992.326.195
Giá vốn của phế phẩm	266.159.732.981	218.805.981.181
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.976.157.415)	(6.934.452.979)
Cộng	2.312.339.244.809	2.156.090.367.688
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.365.142	40.005.033.519
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	604.161.486	171.194.144
Lãi cho vay	1.185.791.611	539.884.613
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.698.071.656	3.404.748.876
Lãi bán hàng trả chậm	1.197.854.025	2.084.788.482
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.074.815.711	193.350.314
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.221.869.052
Cộng	15.768.059.631	51.620.869.000
4. Chi phí tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	14.450.881.230	34.472.257.910
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.801.006.268	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.471.742.096	3.652.044.783
Cộng	20.723.629.594	38.124.302.693
5. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên	4.051.794.111	3.177.924.619
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.945.118.083	883.717.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.239.262	160.146.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.213.233.207	61.654.522.460
Chi phí khác	55.269.033.544	45.159.795.028
Cộng	112.584.418.207	111.036.106.105
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên	19.615.489.816	17.560.198.724
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	989.615.609	595.375.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.078.567.570	4.460.951.839
Thuế, phí và lệ phí	472.074.236	1.468.847.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.123.252.264	4.877.761.683
Chi phí khác	14.594.555.937	11.408.188.036
Cộng	46.873.555.432	40.371.323.718
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	54.545.455
Các khoản nợ không phải trả	-	16.283.562
Thu nhập khác	1.337.291.368	327.589.488
Cộng	1.337.291.368	398.418.505
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán		11.751.617
Chi phí khác	6.262.433.406	2.364.156.218
Cộng	6.262.433.406	2.375.907.835
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	109.162.064.951	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	109.162.064.951	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	61.404.913	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.778	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 29 tháng 05 năm 2014, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn với Pilmico International Pte. Ltd, theo đó công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1 với giá 19,600,000.00 USD. Đến ngày các báo cáo tài chính này được phê chuẩn việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm 2014</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	
Bán hàng hóa	
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	2.306.312.960
Bán hàng hóa	5.882.946.000

Ngoài ra, Bà Trương Thị Lệ Khanh cam kết với Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối đối với Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	672.464.599	20.000.000
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải thu	672.464.599	20.000.000
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	-
Các cá nhân có liên quan	3.244.330.440	-
Cộng nợ phải trả	3.244.330.440	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.576.503.082
Mua nguyên liệu	37.863.350
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, DV, thành phẩm	11.897.779.831
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	4.214.115.585
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	6.438.764.729

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang**

Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, DV

188.617.974.894

Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu

341.044.596.598

Mua nguyên vật liệu, hàng hóa

22.448.334.693

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG NỢ PHẢI THUSố cuối kỳSố đầu kỳ**Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức**

Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu

4.635.919.660

533.043.825

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Lãi ứng trước tiền hàng

Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu

28.553.726.206

-

CÔNG NỢ PHẢI TRẢ**Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức**

Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu

2.667.692.801

3.975.834.292

Phải trả tiền hàng

-

2.556.362.241

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Phải trả tiền hàng

3.138.001.357

6.318.544.967

Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu

93.226.622.593

92.059.995.316

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

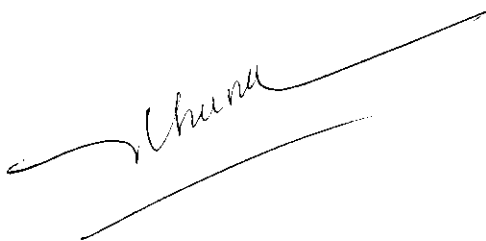
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	475,112,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	696,298,161,346	1,328,996,900,367
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	138,936,400,000	-	-	-	(138,936,400,000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	158,385,911,455	158,385,911,455
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(19,731,501,734)	(19,731,501,734)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	242,340,898	-	242,340,898
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Số dư đầu năm nay	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109,162,064,951	109,162,064,951
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(90,309,244,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	(433,224,091)	-	(433,224,091)
Số dư cuối năm nay	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,800,341,183	704,868,991,518	1,476,313,247,346



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc